

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/DS-PT
Ngày 15 - 6 - 2018
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ và ông Đỗ Đồng Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Kỳ là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2018/TLPT-DS ngày 12 tháng 02 năm 2018 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 05-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2018/QĐ-PT ngày 31-5-2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T; địa chỉ: Tổ dân phố 08, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Cao Thắng, Luật sư Công ty TNHH luật Tri Thắng, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đăk Nông; địa chỉ: Số 02, thôn Minh Đoài, xã Đức Minh, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông - Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hồ Ngọc M; địa chỉ: Thôn 06, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông - Vắng mặt.

Người đại diện ủy quyền của ông Hồ Ngọc M: Ông Chu Đức L; địa chỉ: Số nhà 40, đường C, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk - Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Tổ dân phố 08, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Ông Trần Văn T.

3.2. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: Số 01, đường N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng T, chức vụ: Chi cục trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân S, chức vụ Phó Chi cục trưởng - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Ông Bùi Xuân T, ông Hoàng Huy C, ông Lê Văn T, ông Nguyễn Văn H và bà Hà Thị Kim C; địa chỉ: Thôn 06, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

3.4. Bà Đỗ Thị M; địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn T là nguyên đơn.

5. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn T trình bày: Tháng 3 năm 2004 ông Trần Văn T và bà Hà Thị Kim C mỗi người trúng đấu giá quyền sử dụng 01 lô đất có diện tích 06m x 60m, do Đội Thi hành án huyện Đ tổ chức đấu giá đất của ông Hồ Ngọc M, để thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Khi tiến hành đo đạc và bàn giao đất Đội Thi hành án huyện Đ đã xác định ranh giới đất giữa ông M và đất của ông D (là hộ liền kề) để làm mốc giới. Ngày 22-7-2004 ông Trần Văn T được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số AA 023831, diện tích đất là 360m², thuộc thửa đất số 550, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại thôn 6, xã Đ, huyện Đ. Năm 2008 ông Trần Văn T phát hiện ông M dựng hàng rào lấn chiếm diện tích đất của ông khoảng 90m², nhiều lần ông Trần Văn T yêu cầu nhưng ông M chỉ xê dịch một khoảng đất. Năm 2012 ông M xây dựng hàng rào kiên cố dọc theo diện tích đất đang tranh chấp. Hiện nay, ông Trần Văn T xác định còn thiếu 72m², do đó khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Ngọc M phải trả lại cho ông diện tích đất đã lấn chiếm.

Ông Hồ Ngọc M và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Đội Thi hành án huyện Đ tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất của ông Hồ Ngọc M đúng như ông Trần Văn T trình bày, song quá trình đấu giá và giao đất cho ông Trần Văn T và bà Hà Thị Kim C ông M không có mặt. Diện tích đất của ông M sau khi đấu giá còn lại không dư so với diện tích đất ông được Tòa án chia theo bản án Hôn nhân và Gia đình trước đây. Do đó, ông M không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Đại diện của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ thừa nhận đã tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất của ông M như các đương sự trình bày. Đội Thi hành

án huyện Đ (trước đây) nay là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ đã giao đủ diện tích và ranh giới đất cho ông Trần Văn T và bà Hà Thị Kim C. Sau khi nhận đất ông Trần Kim T và bà Hà Thị Kim C không có khiếu nại gì, việc phát sinh tranh chấp giữa các hộ trong quá trình sử dụng đất Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ không chịu trách nhiệm.

Bản án số: 01/2018/DS-ST ngày 05-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông quyết định: Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 85 và Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 136 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc yêu cầu ông Hồ Ngọc M phải trả 72m² đất, thuộc thửa số 550, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10-01-2018, ông Trần Văn T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil đã vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật.

Ngày 24-01-2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil kháng nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với nhận định: Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil không thu thập đầy đủ hồ sơ sử dụng đất của các đất hộ liên kề của hộ ông Lê Văn T, Hoàng Huy C, Bùi Xuân T và Đặng Thành H là chưa đảm bảo về việc thu thập chứng cứ; chưa xác định được thời điểm cơ quan có thẩm quyền mở đường tuyến 02 đi qua đất của ông M, mốc giới đất của ông M tiếp giáp với ông Lê Văn T; đồng thời tổng số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản ông Trần Văn T đã nộp là 15.044.010 đồng, nhưng bản án sơ thẩm chỉ quyết định đối với số tiền 12.844.010 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, và nội dung kháng cáo đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Xem xét trách nhiệm bồi thường thiệt hại 10 năm đi kiện; trách nhiệm của UBND xã Đ, UBND huyện Đ, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ cũng như Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ về việc giao đất cho ông và phải triệu tập họ đến tham gia phiên tòa; xác định sai tư cách tham gia tố tụng của một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; cấp GCNQSDĐ cho ông M trong thời gian đất đang tranh chấp là vi phạm Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn T trình bày: Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil không tiến hành thẩm định toàn bộ diện tích đất của ông được chia theo quyết định của Tòa án trước đây; kết quả thẩm định của các lần có sự khác nhau, đồng thời chưa có căn cứ xác định nguyên nhân diện tích đất ông Lê Văn T đang sử dụng dư so với GCNQSDĐ và việc sử dụng có căn cứ

pháp luật hay không. Do đó, chưa có căn cứ xác định đất của M đang sử dụng đủ hay thiếu. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xác định sai tư cách tham gia tố tụng của những người làm chứng, theo quy định của pháp luật việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của họ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giải quyết theo thủ tục chung.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Ngọc M trình bày: Diện tích đất ông M đang sử dụng hiện nay là không dư so với diện tích đất còn lại sau khi Đội thi hành án huyện Đ giao đất trúng đấu giá cho ông Trần Văn T và bà Hà Thị Kim C. Ngoài ra, tại thực địa hiện nay giữa ông Trần Văn T, ông M, bà Đỗ Thị M và ông Bùi Xuân T đã thỏa thuận dịch chuyển mốc giới qua phần đất trống giữa bà Đỗ Thị M và ông Bùi Xuân T, đồng thời bà Đỗ Thị M đã xây hàng rào kiên cố làm ranh giới, phần diện tích này của bà Đỗ Thị M và ông Trần Văn T chiều rộng đủ 12m. Mặt khác, ông Lê Văn T đang sử dụng đất dư tại vị trí hướng Tây là 3,8m, và hướng Đông giáp đất của bà Đỗ Thị M là dư 1,7m so với diện tích đất đã được cấp GCNQSDĐ. Như vậy, có căn cứ khẳng định ông M không lấn chiếm của đất của ông Trần Văn T, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T cũng như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến với các nội dung: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu của ông Trần Văn T cho rằng cần đưa UBND huyện Đ vào tham gia tố tụng, nhưng quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn T không yêu cầu xem xét đối với quyết định cá biệt của UBND huyện Đ; đồng thời nghĩa vụ của Đội thi hành án huyện Đ đã hoàn tất, ông Trần Văn T đã được giao nhận đất. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil không đưa UBND huyện Đ tham gia tố tụng là có căn cứ và đúng pháp luật. Đối với tư cách tham gia tố tụng của ông Lê Văn T, ông Hoàng Huy C, ông Bùi Xuân T và bà Đỗ Thị M việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ, do đó Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil không xác định họ là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Đối với quyết định số: 12/2008/QĐDS-ST ngày 27-3-2008 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil về việc công nhận thỏa thuận giữa ông Trần Văn T và bà Hà Thị Kim C thời hạn đề nghị xem xét theo thủ tục Giám đốc thẩm đã hết, mặt khác việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyết định này. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ nhưng không lồng ghép để xác định vị trí đất thực tế ông Trần Văn T được cấp GCNQSDĐ và vị trí

đất đã được Hội đồng hành án huyện Đ giao có cùng vị trí hay không là thiếu sót, nên chưa có căn cứ xác định đất của ông M đang sử dụng có lấn chiếm đất của ông Trần Văn T hay không. Mặt khác, về chi phí tố tụng quá trình giải quyết ông Trần Văn T đã nộp 15.044.010 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc ông Trần Văn T phải chịu 12.844.010 đồng và không xem xét đối với số tiền còn lại là thiếu sót. Từ những đánh giá nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Ông Trần Văn T trúng đấu giá quyền sử dụng đất và được cấp GCNQSDĐ số AA 023831, thửa đất số 550, tờ bản đồ số 08, diện tích đất là 360m², tọa lạc tại thôn 6, xã Đ, huyện Đ là đúng các quy định của pháp luật. Ngày 28-4-2016 bà Đỗ Thị M được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số CD 242160, thửa số 551, tờ bản đồ số 08, diện tích 360m², tọa lạc tại thôn 6, xã Đ, huyện Đ (theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Hà Thị Kim C).

[2]. Biên bản thỏa thuận ngày 08-6-2017 (bút lục số 85) giữa ông Trần Văn Th, ông Hồ Ngọc M, ông Hoàng Huy C, ông Bùi Xuân T, bà Đỗ Thị M và cán bộ địa chính xã Đ có nội dung: Bà Đỗ Thị M dịch chuyển ranh giới đất tiếp giáp với đất ông Bùi Xuân T (phần đất bỏ trống) và ông M có trách nhiệm khởi kiện đối với một phần đất ông Lê Văn T đang sử dụng nằm ngoài GCNQSDĐ, các bên liên quan phối hợp chịu chi phí tố tụng. Tại biên bản làm việc ngày 27-6-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil (bút lục số 102) ông Trần Văn T xác nhận bà Đỗ Thị M đã thực hiện thỏa thuận ngày 08-6-2017, cụ thể: đã xây hàng rào kiên cố bằng gạch giáp ranh với đất ông Bùi Xuân T. Biên bản xác minh ngày 03-5-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xác định: Chiều rộng phía Đông giáp QL14 tính từ hàng rào kiên cố của ông M đến hàng rào bà Đỗ Thị M đã xây tiếp giáp với đất của ông Bùi Xuân T là 12,13m; phía Tây tính từ hàng rào kiên cố của ông M đến hàng rào bà Đỗ Thị M đã xây, tiếp giáp đất ông Bùi Xuân T và đất ông Lê Văn T đang sử dụng (tính từ lộ giới quốc lộ 14 trở vào 34,5m) là 12,65m và giáp với đường dân sinh tính từ hàng rào của ông M đến phần đất ông Lê Văn T đang sử dụng là 10,5m; phía Nam giáp hàng rào của ông M 60m; phía Bắc của thửa đất số 551, tờ bản đồ số 08, bà Đỗ Thị M đã xây hàng rào kiên cố bằng gạch có chiều dài 34,5m (tính từ lộ giới QL14) và phần giáp đất ông Lê Văn T là 25,5m. Ngoài ra, các tài

liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án có căn cứ để kết luận: Diện tích đất của ông Lê Văn T theo GCNQSDĐ có phía Tây giáp đường tuyến 02 (đường dân sinh) là 11m, nhưng thực tế ông Lê Văn T đang sử dụng 14,8m; phía Đông giáp đất ông Bùi Xuân T, ông Lê Văn T sử dụng dư 1,74 m so với GCNQSDĐ. Như vậy, phần diện tích đất ông Lê Văn T đang sử dụng nằm ngoài GCNQSDĐ đã được cấp tiếp giáp với đất của bà Đỗ Thị M là không có căn cứ về xác lập quyền sử dụng đối với diện tích đất này theo quy định tại Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và các quy định của Luật Đất đai năm 2003.

[3]. Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ, song không thu thập được đầy đủ hồ sơ liên quan đến các thửa đất liền kề với các thửa đất đã cấp GCNQSDĐ cho ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị M, do việc lưu trữ của các cơ quan chuyên môn có thiếu sót nên không cung cấp được. Mặt khác, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil không yêu cầu các cơ quan chuyên môn thẩm định toàn bộ diện tích đất ông Hồ Ngọc M được sử dụng theo Bản án số: 08/1998/DS-ST ngày 25-3-1998 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Song, các cơ quan chuyên môn đã tiến hành đo đạc, thẩm định các thửa đất của ông Trần Văn T, bà Đỗ Thị M và các thửa đất liền kề theo bản đồ địa chính đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để xác định diện tích đất và ranh giới các thửa đất đang tranh chấp là đảm bảo giá trị pháp lý để Hội đồng xét xử làm căn cứ đánh giá cùng với các chứng cứ khác đã thu thập.

[4]. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xác định sai tư cách tham gia tố tụng của một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là người làm chứng là không đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên những người này không có khiếu nại gì, đồng thời cũng không ảnh hưởng đến đường lối giải quyết vụ án. Ngoài ra, tổng số tiền chi phí tố tụng ông Trần Văn T đã nộp là 15.044.010 đồng, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T nhưng chỉ buộc ông Trần Văn T phải chịu 12.844.010 đồng chi phí tố tụng là thiếu sót. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu ra để Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil rút kinh nghiệm và sửa nội dung liên quan đến xử lý các chi phí tố tụng của bản án sơ thẩm.

[6]. Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm kết luận: Ông Hồ Ngọc M không lấn chiếm đất của ông Trần Văn T; phần diện tích đất của ông Trần Văn T bị thiếu so với GCNQSDĐ đã được cấp tại thửa số 550, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại thôn 6, xã Đ nằm trong diện tích đất bà Đỗ Thị M đang sử dụng; một phần diện tích đất của bà Đỗ Thị M bị thiếu

so với GCNQSDĐ đã được cấp tại thửa số 551, tờ bản đồ số 08 nằm trong phần diện tích đất ông Lê Văn T đang sử dụng không có căn cứ pháp luật. Do đó, ông Trần Văn T có quyền yêu cầu bà Đỗ Thị M giao ranh giới thửa đất 550, tờ bản đồ số 08 đúng diện tích đất trên thực địa, đồng thời bà Đỗ Thị M có quyền yêu cầu ông Lê Văn T giao phần diện tích đất sử dụng không có căn cứ pháp luật nằm trong GCNQSDĐ đã được cấp đối với thửa đất số 551, tờ bản đồ số 08. Như vậy, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T đối với ông M là có căn cứ và đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil về việc hủy bản án sơ thẩm; có căn cứ sửa bản án sơ thẩm đối với nội dung xử lý chi phí tố tụng.

[7]. Trường hợp ông Trần Văn T cho rằng bị thiệt hại về vật chất và tinh thần do nhiều năm phải theo kiện đối với vụ án, ông có quyền cung cấp chứng cứ, chứng minh và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức đã gây thiệt hại cho ông.

[8]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên ông Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Trần Văn T đã nộp được trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm ông Trần Văn T phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil và kháng cáo của ông Trần Văn T về việc hủy bản án sơ thẩm; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 05-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông về chi phí tố tụng.

1.1. Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 136 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc yêu cầu ông Hồ Ngọc M phải trả 72m² đất, thuộc thửa số 550, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

1.2. Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc ông Trần Văn T phải chịu 15.044.010đ (*Mười lăm triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm mười đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định và

định giá tài sản, được trừ vào số tiền 15.044.010đ (*Mười lăm triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm mười đồng*) tạm ứng đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

1.3. Về án phí: Buộc ông Trần Văn T phải nộp 6.315.800đ (*Sáu triệu ba trăm mười lăm nghìn tám trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 396.000đ (*Ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các biên lai số 002299 ngày 14-8-2008 và số 0000794 ngày 10-01-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, còn phải nộp số tiền 5.619.800đ (*Năm triệu sáu trăm mười chín nghìn tám trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, THCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký và đóng dấu*)

Lương Đức Dương